

Đơn vị: Trung tâm Công nghệ thông tin
và Truyền thông
Chương: 427

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV/2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV/2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (quý IV năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.660.789.882	5.803.433.863	0,35	83,41
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	885.000.000	406.878.000	45,97	78
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	885.000.000	406.878.000	45,97	78
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	15.443.677.882	5.226.580.240		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.075.000.000	803.641.563	26,13	
	Chi con người và hoạt động	2.902.000.000	662.817.725	22,84	68,69
	Dành 10% tiết kiệm để tạo nguồn cải cách tiền lương	173.000.000	140.823.838	81,40	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.368.677.882	4.422.938.677	35,76	82,36
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	90.000.000	21.351.380	23,72	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	90.000.000	21.351.380	23,72	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi sự nghiệp tài chính và khác	242.112.000	148.624.243	61,39	
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	242.112.000	148.624.243	61,39	148,66
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				

3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				

8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

An Giang, Ngày 15 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Trần Trường Giang



THUYẾT MINH CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QUÝ IV NĂM 2023

Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại Thông tin số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tin số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý IV năm 2023 như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý IV năm 2023:

1. Nội dung công khai:

Công khai thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước Quý IV/2023 theo biểu số 3 – Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức công khai:

Niêm yết tại trụ sở Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông và công khai trên Cổng Thông tin điện tử của Trung tâm tại địa chỉ: ictangiang.vn.

3. Thời điểm công khai: Ngày 15/01/2023

II. Thuyết minh tình hình thực hiện chi dự toán ngân sách nhà nước:

1. Tổng dự toán chi nguồn NSNN năm 2023 là 16.661 triệu đồng, bao gồm:

- Chi thực hiện chế độ tự chủ: 3.075 triệu đồng
- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 885 triệu đồng
- Chi sự nghiệp phát thanh: 90 triệu đồng
- Chi sự nghiệp công nghệ thông tin: 12.369 triệu đồng
- Chi sự nghiệp khác ngân sách: 242 triệu đồng

2. Tổng dự toán đã giải ngân quý IV năm 2023 là 5.803 triệu đồng, bao gồm:

- Chi thực hiện chế độ tự chủ: 804 triệu đồng, đạt 26.13% so với dự toán.
- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 407 triệu đồng, đạt 45.97% so với dự toán.
- Chi sự nghiệp phát thanh: 21 triệu đồng, đạt 23.72% so với dự toán.
- Chi sự nghiệp công nghệ thông tin: 4.423 triệu đồng, đạt 35.76% so với dự toán.
- Chi sự nghiệp khác ngân sách: 149 triệu đồng, đạt 61.39% so với dự toán.

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



1. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là:

2. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là:

3. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là:

4. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là:

5. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là:

6. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là:

7. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là:

8. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là:

9. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là:

10. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là:

11. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là:

12. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là:

13. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là:

14. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là:

15. Công thức để tính hiệu suất của một hệ thống truyền thông là: